


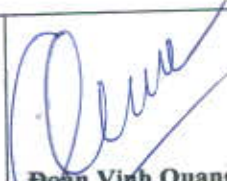








MỤC LỤC




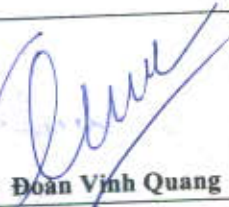

PHẦN MỞ ĐẦU	4
CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Các định nghĩa	4
CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, Hình thức, Trụ sở, Chi nhánh, Văn phòng Đại diện và Thời hạn Hoạt động của Công ty	5
CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 3. Mục tiêu, Lĩnh vực Kinh doanh của Công ty	6
Điều 4. Phạm vi Kinh doanh	6
CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	6
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần và cổ đông sáng lập	6
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	7
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	8
Điều 8. Chuyển nhượng Cổ phần	8
Điều 9. Thu hồi Cổ phần	8
CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	9
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	9
CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
Điều 11. Quyền của Cổ đông Công ty	9
Điều 12. Nghĩa vụ của các Cổ đông	10
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 14. Quyền và Nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông	12
Điều 15. Các đại diện được ủy quyền	13
Điều 16. Thay đổi các quyền	14
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông, Chương trình họp và Thông báo	15
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông	16
Điều 19. Thê thức tiến hành họp và Biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông	16
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 21. Thẩm quyền và thê thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	18

 Vũ Đức Dũng	 Vũ Quốc Vinh	 Phạm Thúy Oanh	 Đoàn Vĩnh Quang	 Hoàng Minh Trí
--	---	---	---	---

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	20
CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	20
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	20
Điều 25. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT.....	21
Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	23
Điều 27. Các cuộc họp của Hội Đồng Quản trị.....	23
CHƯƠNG VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ BỘ MÁY LIÊN QUAN	26
Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý.....	26
Điều 29. Cán bộ quản lý	27
Điều 30. Bổ nhiệm, Miễn nhiệm, Nhiệm vụ và Quyền hạn của Tổng Giám đốc điều hành	27
Điều 31. Thư ký Công ty	28
CHƯƠNG IX: NHIỆM VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC	28
Điều 32. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và người quản lý.....	28
Điều 33 Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	29
Điều 34. Trách nhiệm và Bồi thường	29
CHƯƠNG X: BAN KIỂM SOÁT	30
Điều 35. Thành viên Ban kiểm soát.....	30
Điều 36. Ban kiểm soát.....	31
CHƯƠNG XI: QUYỀN KIỂM TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ	32
Điều 37. Quyền kiểm tra sổ sách và hồ sơ.....	32
CHƯƠNG XII: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	33
Điều 38. Công nhân viên và Công đoàn.....	33
CHƯƠNG XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	33
Điều 39. Phân phối lợi nhuận	33
CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	34
Điều 40. Tài khoản ngân hàng.....	34
Điều 41. Quỹ dự trữ.....	34
Điều 42. Năm tài chính.....	34

				
Vũ Đức Dũng	Vũ Quốc Vinh	Phạm Thúy Oanh	Đoàn Vinh Quang	Hoàng Minh Trí

Điều 43. Hệ thống kế toán	34
CHƯƠNG XV: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, BÁO CÁO RA CÔNG CHÚNG	34
Điều 44. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý	35
Điều 45. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	35
CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN CÔNG TY	35
Điều 46. Kiểm toán	35
CHƯƠNG XVII: CON DẤU	36
Điều 47. Con dấu	36
CHƯƠNG XVIII: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	36
Điều 48. Chấm dứt hoạt động	36
Điều 49. Gia hạn hoạt động	36
Điều 50. Thanh lý	37
CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	37
Điều 51. Giải quyết tranh chấp nội bộ	37
CHƯƠNG XX: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	38
Điều 52. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	38
CHƯƠNG XXI: NGÀY HIỆU LỰC	38
Điều 53. Ngày hiệu lực	38

				
Vũ Đức Dũng	Vũ Quốc Vinh	Phạm Thúy Oanh	Đoàn Vĩnh Quang	Hoàng Minh Trí

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty Cổ phần TIE (dưới đây gọi là Công ty) là cơ sở pháp lý cho hoạt động của một công ty cổ phần, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp. Điều lệ, các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với pháp luật sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Các định nghĩa

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:

a. "*Địa bàn kinh doanh*" có nghĩa là phạm vi địa lý thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam.

b. "*Vốn điều lệ*" có nghĩa là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này.

c. "*Luật Doanh nghiệp*" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.

d. "*Ngày thành lập*" có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

đ. "*Pháp luật*" có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy chế, thông tư, quyết định và tất cả các văn bản pháp quy khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời điểm.

e. "*Cán bộ quản lý*" có nghĩa là Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác của Công ty được HĐQT phê chuẩn.

g. "*Người có liên quan*" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.

h. "*Cổ đông*" là người sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty.

i. "*Thời hạn hoạt động*" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được ĐHĐCĐ của Công ty thông qua bằng nghị quyết.






k. "*Việt Nam*" có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Các từ viết tắt:

a. "HĐQT" là viết tắt của Hội đồng quản trị.

b. "BKS" là viết tắt của Ban kiểm soát.

c. "ĐHĐCĐ" là viết tắt của Đại hội đồng cổ đông.

				
Vũ Đức Dũng	Vũ Quốc Vinh	Phạm Thúy Oanh	Đoàn Vĩnh Quang	Hoàng Minh Trí

3. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.
4. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới cấu trúc của Điều lệ này.
5. Các từ hoặc thuật ngữ nào được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, Hình thức, Trụ sở, Chi nhánh, Văn phòng Đại diện và Thời hạn Hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TIE
- Tên tiếng Anh: TELECOMMUNICATIONS – INDUSTRY – ELECTRONICS JOINT STOCK COMPANY
- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN TIE
- Tên viết tắt: TIE
- Logo:








2. Công ty là một công ty cổ phần có trách nhiệm hữu hạn và có tư cách pháp nhân độc lập phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (08) 38 330 855
- Fax: (08) 38 332 754
- Email: tie@tie.com.vn
- Website: http://www.tie.com.vn

4. Tổng Giám đốc điều hành là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để hỗ trợ các mục tiêu của Công ty phù hợp với nghị quyết của HĐQT và trong phạm vi luật pháp cho phép.

 Vũ Đức Dũng	 Vũ Quốc Vinh	 Phạm Thúy Oanh	 Đoàn Vinh Quang	 Hoàng Minh Trí
---	--	--	--	--

6. Thời hạn hoạt động của Công ty là vô hạn kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 48 Điều lệ hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 49 Điều lệ.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu, Lĩnh vực Kinh doanh của Công ty

1. Mục tiêu của Công ty là nhằm thu hút rộng rãi vốn của các thành phần kinh tế để không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ; tạo công ăn việc làm, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập và đời sống người lao động trong Công ty; bảo đảm lợi ích hợp pháp cho các cổ đông; làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty.

2. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

2.1 Hàng điện tử dân dụng;

2.2 Kinh doanh nguyên vật liệu;

2.3 Viễn thông;

2.4 Du lịch;

2.5 Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;

2.6 Đại lý kinh doanh xăng, dầu;

2.7 Các ngành, nghề, dịch vụ khác khi được pháp luật cho phép.

Điều 4. Phạm vi Kinh doanh

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được mục tiêu của Công ty.






2. Công ty có thể tiến hành những hình thức kinh doanh khác được pháp luật cho phép và được ĐHCĐ thông qua.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần và cổ đông sáng lập






1. Vào ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là 95.699.000.000đ (Chín mươi lăm tỷ sáu trăm chín mươi chín triệu đồng). Tổng số vốn điều lệ của công ty được chia thành 9.569.900 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng (Mười ngàn đồng).

				
Vũ Đức Dũng	Vũ Quốc Vinh	Phạm Thủy Oanh	Đoàn Vĩnh Quang	Hoàng Minh Trí

2. Tất cả cổ phần phát hành của Công ty vào thời điểm thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông.
3. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được ĐHĐCĐ thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại Phụ lục 1 đính kèm và là một bộ phận không thể tách rời Điều lệ này.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định khác. Việc chào bán sẽ được thực hiện bằng thông báo nêu rõ số cổ phần được chào bán và trong thời hạn theo quy định của pháp luật. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do HĐQT của Công ty quyết định. HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty phát hành (kể cả cổ phần hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Luật Doanh nghiệp và các luật liên quan phù hợp với các thẩm quyền mà ĐHĐCĐ đã cho phép như đã quy định trong Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Cổ phần do Công ty mua lại được coi là cổ phiếu quỹ và HĐQT có thể chào bán theo hình thức được ĐHĐCĐ cho phép và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được ĐHĐCĐ nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (2) tháng hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định, kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

				
Vũ Đức Dũng	Vũ Quốc Vinh	Phạm Thúy Oanh	Đoàn Vinh Quang	Hoàng Minh Trí

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác





Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 8. Chuyển nhượng Cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.
3. Trong trường hợp một cổ đông bị chết, người hoặc những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết sẽ được Công ty thừa nhận là người hoặc những người có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không giải tỏa tài sản của cổ đông đã chết khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.

Điều 9. Thu hồi Cổ phần

1. Nếu một cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu thì HĐQT có thể gửi một thông báo cho cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi suất có thể được lũy kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra cho Công ty.
2. Thông báo nêu trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới, tối thiểu là bảy (7) ngày kể từ ngày gửi thông báo và địa điểm thanh toán và phải nêu rõ rằng trong trường hợp không thanh toán đúng yêu cầu, cổ phần chưa thanh toán hết đó sẽ bị thu hồi.
3. Nếu các yêu cầu của một thông báo nêu trên không được thực hiện thì HĐQT có thể thu hồi mọi cổ phần đã được đề cập trong thông báo vào bất kỳ lúc nào trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi. HĐQT có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định dưới đây và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
4. Một cổ phần bị thu hồi hoặc được giao nộp sẽ trở thành tài sản của Công ty và có thể được bán, tái phân phối hoặc xử lý theo một cách khác cho người mà trước thời điểm cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp đã từng nắm giữ cổ phần đó hoặc cho bất kỳ người nào khác theo những

				
Vũ Đức Dũng	Vũ Quốc Vinh	Phạm Thúy Oanh	Đoàn Vĩnh Quang	Hoàng Minh Trí

điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp. Nếu cần, HĐQT có thể ủy quyền cho một số người chuyển giao cổ phần trên cho bất kỳ người nào khác.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi được tính theo tỷ lệ do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định theo thời gian vào thời điểm thu hồi theo quyết định của HĐQT kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. HĐQT có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Khi cổ phần được thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người sở hữu cổ phần trước thời điểm thu hồi; nhưng trong mọi trường hợp việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị.
- Ban Kiểm soát.
- Tổng Giám đốc điều hành.

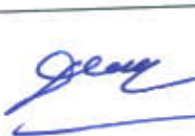
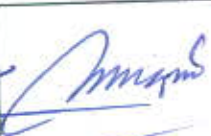



CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của Cổ đông Công ty

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người sở hữu cổ phần phổ thông có các quyền sau:

- Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- Nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ;
- Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác hoặc người không phải là cổ đông;
- Được ưu tiên mua cổ phiếu mới được chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

 Vũ Đức Dũng	 Vũ Quốc Vinh	 Phạm Thúy Oanh	 Đoàn Vinh Quang	 Hoàng Minh Trí
--	---	---	---	---

- e. Xem xét, tra cứu, trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp ĐHĐCĐ và các nghị quyết của ĐHĐCĐ;
- g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
- h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (6) tháng có quyền đề cử các thành viên BKS theo quy định.




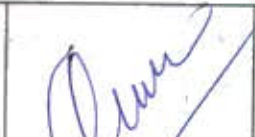

Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ từ 9% trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (6) tháng, có các quyền sau:

- a. Đề cử các thành viên HĐQT theo quy định;
- b. Yêu cầu HĐQT thực hiện việc triệu tập ĐHĐCĐ theo các quy định tại Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp;
- c. Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản, phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và từng thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, vấn đề cần kiểm tra, căn cứ kiểm tra;
- d. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại ĐHĐCĐ;
- e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.

Điều 12. Nghĩa vụ của các Cổ đông

Các cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần;
2. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế; các quyết định của HĐQT và các nghị quyết của ĐHĐCĐ;
3. Thanh toán tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định;
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

				
Vũ Đức Dũng	Vũ Quốc Vinh	Phạm Thúy Oanh	Đoàn Vinh Quang	Hoàng Minh Trí

5. Tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT làm đại diện cho mình tại ĐHĐCĐ;

6. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành đăng ký kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một (1) lần trong thời hạn bốn (4) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên do HĐQT triệu tập và tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam do HĐQT quy định tùy từng thời điểm. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề được pháp luật và Điều lệ này quy định. Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

3. HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:

a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

Việc triệu tập là cần thiết nếu các kiểm toán viên độc lập thấy rằng cuộc họp là quan trọng để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của Công ty và HĐQT cũng nhận thấy như vậy.

b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy vốn Điều lệ đã bị mất một nửa;

c. Khi số thành viên của HĐQT bị giảm quá 1/3 so với số quy định trong Điều lệ;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 9% trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (6) tháng yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;

e. BKS yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu BKS có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc bộ máy quản lý cao cấp vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

 Vu Đức Dũng	 Vu Quốc Vinh	 Phạm Thúy Oanh	 Đoàn Vinh Quang	 Hoàng Minh Trí
--	---	---	---	---

g. Khi khuyết thành viên BKS và các thành viên còn lại không có chuyên môn về kế toán kiểm toán;

h. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Thẩm quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường:

a. HĐQT phải triệu tập một cuộc họp cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT hoặc BKS còn lại như quy định tại điểm c và g khoản 3 Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu nêu tại điểm d và e khoản 3 Điều 13. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ như quy định thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty;

b. Trường hợp HĐQT không triệu tập cuộc họp nêu trên, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, BKS sẽ phải thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ như quy định thì Trưởng BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty;

c. Trường hợp BKS không triệu tập cuộc họp, những cổ đông hoặc một nhóm cổ đông có yêu cầu nêu tại điểm d khoản 3 của Điều 13 Điều lệ có thể triệu tập cuộc họp các cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết;

d. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp;

e. Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp các cổ đông sẽ do Công ty trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi trả khi tham dự ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.






Điều 14. Quyền và Nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông

1. ĐHĐCĐ thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
- b. Báo cáo của BKS về quản lý công ty của HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành;
- c. Báo cáo của HĐQT đánh giá thực trạng quản lý kinh doanh ở Công ty;
- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
- e. Mức cổ tức đối với cổ phần của từng loại.

2. ĐHĐCĐ thường niên và bất thường có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua nghị quyết về các vấn đề sau:






- a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;

				
Vũ Đức Dũng	Vũ Quốc Vinh	Phạm Thúy Oanh	Đoàn Vinh Quang	Hoàng Minh Trí

- b. Mức cổ tức được thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó với điều kiện là mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại ĐHĐCĐ;
- c. Số lượng thành viên của HĐQT, BKS;
- d. Lựa chọn công ty kiểm toán;
- e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên HĐQT và BKS;
- f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT, BKS và Báo cáo tiền thù lao của HĐQT, BKS;
- g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ;
- h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- j. Tổ chức lại và giải thể Công ty và chỉ định người thanh lý;
- k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc BKS gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
- l. Giao dịch bán tài sản Công ty hoặc bất kỳ chi nhánh nào hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính của Công ty và các chi nhánh của Công ty đã được kiểm toán gần nhất;
- m. Công ty mua lại hơn 10% cổ phần đã bán của mỗi loại;
- n. Việc Chủ tịch HĐQT đồng thời làm Tổng Giám đốc điều hành;
- o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của công ty.
3. Cổ đông không được bỏ phiếu cho bất kỳ một nghị quyết nào để thông qua:
- a. Các hợp đồng quy định tại điểm o khoản 2 Điều 14 Điều lệ nếu cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng; hoặc
- b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của bất kỳ người nào có liên quan đến cổ đông đó.
4. ĐHĐCĐ phải thảo luận và biểu quyết đối với các nghị quyết về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

Điều 15. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ theo quy định pháp luật và Điều lệ, có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông.

				
Vũ Đức Dũng	Vũ Quốc Vinh	Phạm Thúy Oanh	Đoàn Vinh Quang	Hoàng Minh Trí

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Lá phiếu bầu của đại diện được ủy quyền trong phạm vi được ủy quyền sẽ có hiệu lực ngay cả khi:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

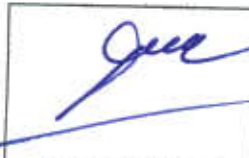

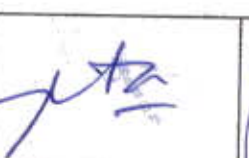


c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Tuy nhiên, điều khoản này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên chậm nhất bốn mươi tám (48) giờ trước cuộc họp hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự các quy định tại Điều 18 và Điều 19 Điều lệ.

				
Vũ Đức Dũng	Vũ Quốc Vinh	Phạm Thúy Oanh	Đoàn Vĩnh Quang	Hoàng Minh Trí

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông, Chương trình họp và Thông báo

1. HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ trừ các trường hợp quy định tại điểm b và c khoản 4 Điều 13 Điều lệ.

2. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị một danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội xong trước ít nhất ba mươi (30) ngày so với ngày bắt đầu tiến hành ĐHĐCĐ; chương trình họp và các tài liệu phù hợp với pháp luật và các quy định của Công ty;

b. Xác định thời gian và địa điểm đại hội;

c. Thông báo cho tất cả các cổ đông về đại hội và gửi thông báo đại hội cho họ.

3. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp ĐHĐCĐ phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (6) tháng có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (3) ngày trước khi bắt đầu họp ĐHĐCĐ. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều này nếu:

a. Đề xuất không được gửi đúng thời hạn;

b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu (6) tháng trở lên;

c. Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết; và

d. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của ĐHĐCĐ bàn bạc và thông qua các nghị quyết.

6. Đối với từng vấn đề trong chương trình họp, HĐQT phải chuẩn bị dự thảo một nghị quyết.

7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại ĐHĐCĐ, những quyết định được ĐHĐCĐ nhất trí

 Vu Đức Dũng	 Vu Quốc Vinh	 Phạm Thúy Oanh	 Đoàn Vinh Quang	 Hoàng Minh Trí
--	---	---	---	---



thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập ĐHĐCĐ không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông

1. ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà ĐHĐCĐ lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
4. Theo đề nghị Chủ tọa ĐHĐCĐ có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại của Điều lệ này.

Điều 19. Thủ thức tiến hành họp và Biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông

1. Vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó hoặc sẽ được thông báo sau khi biểu quyết tất cả các vấn đề theo nội dung chương trình cuộc họp. Đại hội đề cử những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Cổ đông đến dự ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
4. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên HĐQT có

				
Vũ Đức Dũng	Vũ Quốc Vinh	Phạm Thủy Oanh	Đoàn Vĩnh Quang	Hoàng Minh Trí

chức vụ quản lý cao nhất điều khiển đề ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của ĐHĐCĐ sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của ĐHĐCĐ đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba (3) ngày kể từ ngày khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

7. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển ĐHĐCĐ một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

8. HĐQT có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự ĐHĐCĐ chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà HĐQT cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, HĐQT sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

10. HĐQT, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được HĐQT cho là thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp ĐHĐCĐ;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

HĐQT có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu HĐQT thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.






11. Trong trường hợp tại ĐHĐCĐ có áp dụng các biện pháp nói trên, HĐQT khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức ĐHĐCĐ ít nhất một (1) lần. ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

 Vũ Đức Dũng	 Vũ Quốc Vinh	 Phạm Thúy Oanh	 Đoàn Vinh Quang	 Hoàng Minh Trí
--	---	---	---	---

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều này, các quyết định của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ:

- a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;
- c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên HĐQT và BKS và phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành.

2. Các quyết định của ĐHĐCĐ liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau đây:

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

 Vũ Đức Dũng	 Vũ Quốc Vinh	 Phạm Thúy Oanh	 Đoàn Vinh Quang	 Hoàng Minh Trí
--	---	---	---	---

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

5. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các quyết định đã được thông qua;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.






6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ hoặc gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Người chủ trì ĐHĐCĐ chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản ĐHĐCĐ và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày hoặc công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ tính từ khi ĐHĐCĐ kết thúc họp. Biên bản ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại

				
Vũ Đức Dũng	Vũ Quốc Vinh	Phạm Thúy Oanh	Đoàn Vinh Quang	Hoàng Minh Trí

hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, BKS có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập ĐHĐCĐ không thực hiện theo đúng quy định của Luật này và Điều lệ công ty;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại ĐHĐCĐ trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.






CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm, trừ nhiệm kỳ đầu tiên là ba (03) năm (nhiệm kỳ 2004 - 2007). Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên HĐQT độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 9% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng được quyền ứng cử hoặc đề cử người vào HĐQT của Công ty. Cổ đông có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào HĐQT. Số người được ứng cử hoặc đề cử theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau: từ 9% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; và từ 90% trở lên được đề cử tối đa chín (09) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ

				
Vũ Đức Dũng	Vũ Quốc Vinh	Phạm Thúy Oanh	Đoàn Vinh Quang	Hoàng Minh Trí

ché do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Một thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

- Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;
- Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
- Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn có năng lực hành vi;
- Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng sáu (6) tháng mà không có sự cho phép của HĐQT và HĐQT đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của ĐHĐCĐ.

5. HĐQT có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên HĐQT để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại cuộc họp ĐHĐCĐ ngay tiếp sau đó. Sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được ĐHĐCĐ chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra ĐHĐCĐ có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

6. Việc bổ nhiệm các thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 25. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT


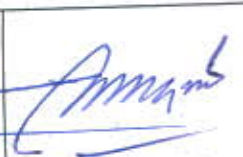
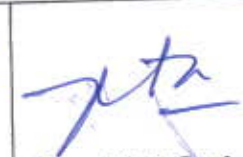


1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ.

Các thành viên HĐQT không được chuyển nhượng cổ phần của Công ty do họ sở hữu trong suốt thời gian đương nhiệm trừ trường hợp được HĐQT chấp thuận.

2. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác, người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);






 Vũ Đức Dũng	 Vũ Quốc Vinh	 Phạm Thúy Oanh	 Đoàn Vinh Quang	 Hoàng Minh Trí
--	---	---	---	---

- d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;
- f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước;
- h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được ĐHCĐ ủy quyền;
- i. Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
- j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- k. Đề xuất việc tái cơ cấu lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty.

4. Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn:

- a. Việc thành lập hoặc giải thể chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
- b. Việc thành lập hoặc giải thể các công ty con của Công ty;
- c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 108 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp phải do ĐHCĐ phê chuẩn, HĐQT tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, đầu tư công ty và liên doanh);
- d. Việc chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại có thẩm quyền và Luật sư của Công ty;
- e. Việc vay nợ và việc thực hiện mọi khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
- f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 5% vốn điều lệ Công ty tại thời điểm tương ứng hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
- g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
- h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% cổ phần theo từng loại;
- j. Bất kỳ vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch nào khác mà HĐQT quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
- k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

5. HĐQT phải nộp báo cáo cho ĐHCĐ về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính.

				
Vũ Đức Dũng	Vũ Quốc Vinh	Phạm Thúy Oanh	Đoàn Vinh Quang	Hoàng Minh Trí

Nếu không có báo cáo của HĐQT, báo cáo tài chính thường niên của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được HĐQT thông qua.

6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, HĐQT có thể uỷ quyền cho cấp dưới đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

7. Các thành viên HĐQT, không kể các đại diện được uỷ quyền thay thế, được nhận thù lao cho công việc của họ với tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do ĐHCĐ quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên HĐQT theo thoả thuận trong HĐQT hoặc nếu không thoả thuận được thì chia đều.

8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên HĐQT và số tiền mà mỗi thành viên được nhận phải được ghi chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.

9. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác mà theo HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

10. Các thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của HĐQT, hoặc các tiểu ban của HĐQT hoặc ĐHCĐ.

Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. ĐHCĐ hoặc HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên HĐQT để bầu ra một Chủ tịch. Trừ khi ĐHCĐ quyết định khác, Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc điều hành của Công ty. Việc Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại ĐHCĐ thường niên.






2. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa ĐHCĐ và các cuộc họp của HĐQT, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

3. Chủ tịch HĐQT phải có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại ĐHCĐ.

4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày, tính từ ngày HĐQT chấp thuận đơn xin từ chức hoặc ngày có quyết định bãi nhiệm của ĐHCĐ.

Điều 27. Các cuộc họp của Hội Đồng Quản trị

1. Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất

				
Vũ Đức Dũng	Vũ Quốc Vinh	Phạm Thúy Oanh	Đoàn Vinh Quang	Hoàng Minh Trí

và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch của HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (7) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (1) lần.

3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp HĐQT mà không được có bất kỳ sự trì hoãn bất hợp lý nào khi một trong số các đối tượng sau đây đề nghị bằng một văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;

b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

c. Chủ tịch HĐQT;

c. Ban kiểm soát.

4. Cuộc họp HĐQT phải được tiến hành trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được đề nghị họp. Nếu Chủ tịch không triệu tập cuộc họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty, những người mong muốn tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp HĐQT.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp: Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của chủ tịch HĐQT và sự nhất trí của HĐQT.

7. Thông báo và chương trình họp: Các cuộc họp phải được tiến hành trên cơ sở thông báo cho các thành viên HĐQT năm (5) ngày trước khi tổ chức, với điều kiện là các thành viên HĐQT có thể khước từ thông báo mời họp bằng văn bản và sự khước từ đó có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo về cuộc họp HĐQT sẽ phải được làm bằng văn bản bằng tiếng Việt và phải thông báo cả về chương trình họp, thời gian, và địa điểm họp và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và cả các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp.






8. Các cuộc họp của HĐQT lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất 3/4 số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

9. Biểu quyết:

a. Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết;

b. Một thành viên HĐQT sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc bất kỳ người liên quan nào có lợi ích và lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên HĐQT sẽ không được tính vào số lượng đại biểu

				
Vũ Đức Dũng	Vũ Quốc Vinh	Phạm Thúy Oanh	Đoàn Vinh Quang	Hoàng Minh Trí

tối thiểu cần thiết có mặt tại một cuộc họp về bất kỳ quyết nghị nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản này, khi có vấn đề nào phát sinh trong một cuộc họp HĐQT liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên HĐQT khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

d. Thành viên HĐQT được hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 1 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Công bố lợi ích: Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến với Công ty sẽ phải công bố bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể tuyên bố điều đó tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số: HĐQT thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt (trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

12. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt: Thành viên HĐQT vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của HĐQT bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Những phiếu bằng văn bản này phải được chuyển tới Chủ tịch hoặc nếu không gửi được cho Chủ tịch thì cho thư ký không muộn hơn một (1) giờ trước thời gian dự kiến họp.



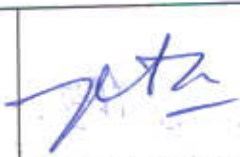


13. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Một cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời;

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (cho dù là đã được sử dụng vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này mới được sử dụng) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, mỗi thành viên HĐQT tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

Các nghị quyết được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của mọi thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

				
Vũ Đức Dũng	Vũ Quốc Vinh	Phạm Thúy Oanh	Đoàn Vinh Quang	Hoàng Minh Trí

14. Nghị quyết bằng văn bản: HĐQT có thể thông qua bất kỳ quyết định nào mà không cần tổ chức nếu như nhận được văn bản chấp thuận của số thành viên HĐQT cần thiết để thông qua một quyết định tương tự trong trường hợp triệu tập cuộc họp theo đúng thể thức và phù hợp với điều lệ này. Văn bản chấp thuận sẽ có hiệu lực giống như sự phê chuẩn của thành viên HĐQT hiện diện tại cuộc họp chính thức. Văn bản chấp thuận có thể lập thành một hoặc nhiều tài liệu với hình thức giống nhau và mỗi bản đều phải có chữ ký của một hoặc nhiều thành viên HĐQT. Văn bản chấp thuận có thể là bản fax nhưng phải kèm theo đó là bản gốc và được Công ty lưu giữ. Các nghị quyết bằng văn bản phải luôn sẵn sàng cung cấp cho các thành viên HĐQT kiểm tra.

15. Biên bản cuộc họp: Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của HĐQT cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Các biên bản sẽ phải được lập bằng tiếng Việt và phải được ký bởi tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp.

16. Những người được mời họp dự thính: Tổng Giám đốc điều hành, những cán bộ quản lý khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp HĐQT theo lời mời của HĐQT nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên HĐQT.

17. Các tiểu ban HĐQT: HĐQT có thể thành lập và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của HĐQT và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của HĐQT. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà HĐQT đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên HĐQT vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.






18. Giá trị pháp lý của hành động. Mọi hành động được thực hiện theo quyết định HĐQT, hoặc của bất kỳ tiểu ban nào trực thuộc HĐQT hoặc do bất kỳ người nào với tư cách thành viên của tiểu ban đó sẽ được coi là có giá trị pháp lý mặc dù quá trình bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc HĐQT có thể có những sai sót.

CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ BỘ MÁY LIÊN QUAN

Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và trực thuộc sự lãnh đạo của HĐQT. Công ty có một (01) Tổng Giám đốc điều hành, các Phó Tổng giám đốc, một (01) Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết HĐQT được thông qua một cách hợp thức.

				
Vũ Đức Dũng	Vũ Quốc Vinh	Phạm Thúy Oanh	Đoàn Vinh Quang	Hoàng Minh Trí

Điều 29. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do HĐQT đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc điều hành sẽ phải do HĐQT quyết định. Hợp đồng của những người quản lý khác mà HĐQT bổ nhiệm thì sẽ do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc điều hành.






Điều 30. Bổ nhiệm, Miễn nhiệm, Nhiệm vụ và Quyền hạn của Tổng Giám đốc điều hành

1. Bổ nhiệm: HĐQT sẽ bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc điều hành phải được báo cáo trong ĐHCĐ thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc điều hành là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ:

Tổng Giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

- a. Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHCĐ thông qua;
- b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do HĐQT đề xuất, và tư vấn để HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
- d. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc điều hành phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm;
- f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được ĐHCĐ và HĐQT thông qua;
- g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế

				
Vũ Đức Dũng	Vũ Quốc Vinh	Phạm Thúy Oanh	Đoàn Vinh Quang	Hoàng Minh Trí

hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc điều hành và pháp luật.

4. Tổng Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và có trách nhiệm báo cáo HĐQT, ĐHĐCĐ khi được yêu cầu.

Bãi nhiệm: HĐQT có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc điều hành khi có từ 2/3 thành viên HĐQT trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc điều hành) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc điều hành mới thay thế. Tổng Giám đốc điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại ĐHĐCĐ tiếp theo gần nhất.

Điều 31. Thư ký Công ty

HĐQT sẽ chỉ định một hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của HĐQT. HĐQT có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

- a. Chuẩn bị các cuộc họp của HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
- b. Tham dự và làm biên bản các cuộc họp;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và BKS.



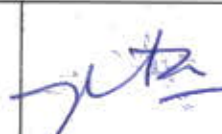
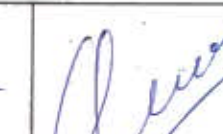

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG IX

NHIỆM VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 32. Trách nhiệm căn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và người quản lý.

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ căn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.



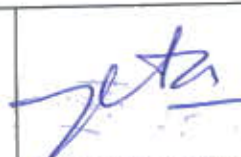


				
Vũ Đức Dũng	Vũ Quốc Vinh	Phạm Thúy Oanh	Đoàn Vĩnh Quang	Hoàng Minh Trí

Điều 33 Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được ĐHĐCĐ chấp thuận.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được báo cáo cho HĐQT hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, HĐQT hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan.
 - b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này.
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc một tiểu ban trực thuộc HĐQT hay các cổ đông cho phép thực hiện.
7. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 34. Trách nhiệm và Bồi thường

1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với

				
Vũ Đức Dũng	Vũ Quốc Vinh	Phạm Thúy Oanh	Đoàn Vĩnh Quang	Hoàng Minh Trí

sự miễn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên HĐQT, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên HĐQT, thành viên BKS, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

- a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.
- b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG X BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên BKS của Công ty là ba (03) thành viên. Các thành viên BKS không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. BKS phải có ít nhất một (01) thành viên là người có chuyên môn nghiệp vụ về kiểm toán, kế toán.

Các thành viên BKS không phải là người có liên quan với các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. BKS phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng BKS là người có chuyên môn về kế toán. Trưởng BKS có các quyền và trách nhiệm sau:






- a. Triệu tập cuộc họp BKS;
- b. Yêu cầu HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo BKS;

 Vu Đức Dũng	 Vu Quốc Vinh	 Phạm Thúy Oanh	 Đoàn Vĩnh Quang	 Hoàng Minh Trí
--	---	---	---	---

- c. Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHĐCĐ;
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng được quyền đề cử hoặc ứng cử người vào BKS của Công ty. Cổ đông có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào BKS. Số người được ứng cử hoặc đề cử theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau: 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 35% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 35% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; và từ 65% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
3. Các thành viên của BKS do ĐHĐCĐ bổ nhiệm, nhiệm kỳ của BKS không quá năm (05) năm. Thành viên BKS có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Thành viên BKS không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
- Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên BKS;
 - Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
 - Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của BKS có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của BKS liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này BKS không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - Thành viên đó bị cách chức thành viên BKS theo quyết định của ĐHĐCĐ.
5. Trong nhiệm kỳ, nếu khuyết thành viên BKS thì tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên ngay tiếp sau đó phải tiến hành bầu bổ sung. Trường hợp các thành viên còn lại trong BKS không có chuyên môn về kế toán, kiểm toán thì HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường để bầu số thành viên BKS còn thiếu. Thể lệ và nguyên tắc bầu cử do HĐQT xây dựng và phải được ĐHĐCĐ chấp thuận.

Điều 36. Ban kiểm soát

1. Công ty phải có BKS. BKS sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;
 - Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
 - Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình HĐQT;
 - Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;






				
Vũ Đức Dũng	Vũ Quốc Vinh	Phạm Thúy Oanh	Đoàn Vinh Quang	Hoàng Minh Trí

- f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
- g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi HĐQT chấp thuận; và
- h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.
2. Thành viên của HĐQT, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của BKS. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên HĐQT và bản sao các biên bản họp HĐQT sẽ phải được cung cấp cho thành viên BKS vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho HĐQT.
3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT, BKS có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của BKS và cách thức hoạt động của BKS. BKS phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (2) người.
4. Tổng mức thù lao cho các thành viên BKS sẽ do ĐHĐCĐ quyết định. Thành viên của BKS cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của BKS liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

CHƯƠNG XI QUYỀN KIỂM TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

Điều 37. Quyền kiểm tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại khoản 3 Điều 24 và khoản 2 Điều 35 có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách các cổ đông, các biên bản của ĐHĐCĐ và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Một yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy Đăng ký Kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, các báo cáo của BKS, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của công ty.

				
Vũ Đức Dũng	Vũ Quốc Vinh	Phạm Thúy Oanh	Đoàn Vinh Quang	Hoàng Minh Trí

CHƯƠNG XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN






Điều 38. Công nhân viên và Công đoàn

1. Tổng Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.
2. Tổng Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 39. Phân phối lợi nhuận

1. Theo quyết định của ĐHĐCĐ và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề xuất một cách trung thực sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại ĐHĐCĐ.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, HĐQT có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. HĐQT có thể đề nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và HĐQT là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, HĐQT thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

				
Vũ Đức Dũng	Vũ Quốc Vinh	Phạm Thúy Oanh	Đoàn Vĩnh Quang	Hoàng Minh Trí

CHƯƠNG XIV
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH
VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 40. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một Ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật, nếu cần thiết.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 41. Quỹ dự trữ

Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản nộp vào Quỹ dự trữ theo quy định của pháp luật. Khoản này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và sẽ chỉ được tiếp tục trích nộp tới một giới hạn tích lũy bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

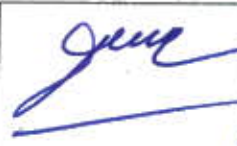

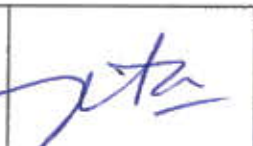
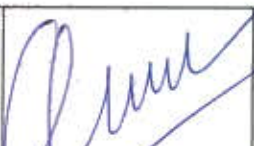

Điều 42. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một (1) hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười hai (12) cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp giấy đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười hai (12) ngay sau ngày cấp giấy đăng ký kinh doanh đó.

Điều 43. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty sẽ phải lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định của pháp luật. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, BÁO CÁO RA
CÔNG CHÚNG

				
Vũ Đức Dũng	Vũ Quốc Vinh	Phạm Thúy Oanh	Đoàn Vĩnh Quang	Hoàng Minh Trí

Điều 44. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 46 Điều lệ và phải được nộp cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật.
2. Báo cáo kế toán hàng năm phải bao gồm một Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho thấy được một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và một Bản cân đối kế toán cho thấy được một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo. Nếu Công ty là một công ty mẹ thì báo cáo kế toán hàng năm còn phải bao gồm cả báo cáo kế toán thường niên của công ty lẫn bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con của nó vào cuối mỗi năm tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật Chứng khoán và thị trường Chứng khoán.
4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.
5. Bất kỳ cổ đông nào quan tâm sẽ được quyền sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.






Điều 45. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Công ty phải công bố thông tin và thông báo ra công chúng theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 46. Kiểm toán

1. ĐHCĐ thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với HĐQT.
2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo kế toán hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

				
Vũ Đức Dũng	Vũ Quốc Vinh	Phạm Thúy Oanh	Đoàn Vinh Quang	Hoàng Minh Trí

4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

5. Một kiểm toán viên sẽ được phép tham dự mọi ĐHĐCĐ nào và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến mọi ĐHĐCĐ mà mọi cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVII

CON DẤU

Điều 47. Con dấu

1. HĐQT sẽ thông qua một con dấu chính thức của Công ty và HĐQT có thể xác định nội dung của con dấu theo những quy định của luật pháp.

2. HĐQT, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 48. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;

b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản của theo quy định của pháp luật hiện hành;






c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của ĐHĐCĐ và các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Bất kỳ quyết định nào nhằm giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) đều phải được ĐHĐCĐ thông qua và được HĐQT tuân theo và quyết định này phải được thông báo lên cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc.

Điều 49. Gia hạn hoạt động

1. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của HĐQT.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ thông qua.

				
Vũ Đức Dũng	Vũ Quốc Vinh	Phạm Thúy Oanh	Đoàn Vinh Quang	Hoàng Minh Trí

Điều 50. Thanh lý






1. Ít nhất sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, HĐQT sẽ phải thành lập Ban Thanh lý gồm 03 thành viên. Hai thành viên trong đó do ĐHĐCĐ chỉ định và một thành viên do HĐQT chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban Thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban Thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến Thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - c. Thuế và các chi phí có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước Việt Nam;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ đông. Cổ đông phổ thông sẽ được chia phần sau khi các cổ phiếu ưu đãi được thanh toán.

CHƯƠNG XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 51. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay liên quan tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa cổ đông với Công ty hoặc cổ đông với HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp thì các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải.
2. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra cơ quan Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền.
3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí được thực hiện theo phán quyết của các cơ quan tài phán.

				
Vũ Đức Dũng	Vũ Quốc Vinh	Phạm Thúy Oanh	Đoàn Vinh Quang	Hoàng Minh Trí

CHƯƠNG XX
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 52. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ


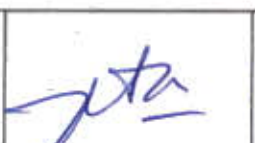
1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI
NGÀY HIỆU LỰC

Điều 53. Ngày hiệu lực


1. Bản điều lệ này gồm 21 Chương 53 Điều, được ĐHĐCĐ Công ty nhất trí thông qua ngày 27 tháng 04 năm 2013 tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
 - b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
 - c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục điều lệ công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất một phần hai tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.
5. Bản Điều lệ này sẽ thay thế bản Điều lệ đã được ĐHĐCĐ thông qua vào ngày 27 tháng 4 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

				
Vũ Đức Dũng	Vũ Quốc Vinh	Phạm Thúy Oanh	Đoàn Vinh Quang	Hoàng Minh Trí

PHỤ LỤC I
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN TIE






STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (cá nhân); Địa chỉ (tổ chức)	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND hoặc hộ chiếu (cá nhân), Mã số doanh nghiệp, quyết định thành lập (tổ chức)	Ghi chú
1	Ôn Đường	142/114A Nguyễn Kim, phường 6, quận 10, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam	Phổ thông	596	59.600.000	0,06	020756349	
2	Đại diện vốn nhà nước: Hà Thanh Hùng; Trần Thị Bé Ba; Trương Thanh Hiệp	117 Trương Định, phường 7, quận 3, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam ; 133/89J Tô Hiến Thành, phường 13, quận 10, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam; 129/202C chung cư Vĩnh Hội, phường 6, quận 4, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Phổ thông	609.000	60.900.000.000	63,64	4106000285	
3	Hà Thanh Hùng	117 Trương Định, phường 7, quận 3, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam	Phổ thông	10.330	1.033.000.000	1,08	020127461	
4	Lâm Quan Việt Hải	267/29 Đoàn Văn Bơ, phường 13, quận 4, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam	Phổ thông	480	48.000.000	0,05	020468160	

 Vũ Đức Dũng	 Vũ Quốc Vinh	 Phạm Thúy Oanh	 Đoàn Vinh Quang	 Hoàng Minh Trí
--	---	--	--	---



STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (cá nhân); Địa chỉ (tổ chức)	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND hoặc hộ chiếu (cá nhân), Mã số doanh nghiệp, quyết định thành lập (tổ chức)	Ghi chú
5	Nguyễn Kim Tuấn	222/16Bis Lý Thái Tô, phường 1, quận 3, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam	Phổ thông	610	61.000.000	0,06	021541222	
6	Phạm Ngọc Tuấn	125D Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam	Phổ thông	3.200	320.000.000	0,33	020472395	
7	Trương Thanh Hiệp	129/202C chung cư Vĩnh Hội, phường 6, quận 4, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam	Phổ thông	1.000	100.000.000	0,1	021603473	
8	Trương Văn Quan	16 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam	Phổ thông	1.070	107.000.000	0,11	020047496	
9	Trần Thị Bé Ba	133/89J Tô Hiến Thành, phường 13, quận 10, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam	Phổ thông	1.000	100.000.000	0,1	020124049	
10	Trần Thị Ngọc Trinh	83/5 Nguyễn Thượng Hiền, phường 5, quận Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam	Phổ thông	5.110	511.000.000	0,53	021875278	

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

 Vũ Đức Dũng	 Vũ Quốc Vinh	 Phạm Thúy Oanh	 Đoàn Vĩnh Quang	 Hoàng Minh Tri
--	---	--	--	---